| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng
2. Ông Trần Quốc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 891/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 và đơn xin vắng mặt ngày 23/02/2021, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 233 ngày 29/12/2010)*. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, thời gian về sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau, chị và anh D đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh D có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 28/3/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thùy xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn D*: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn D vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại ấp 2, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trần Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Văn D tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh D là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thanh T và anh Nguyễn Văn D không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị T và anh D đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh D đã ly thân hơn 01 năm nay.

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh D có 01 người con chung tên Nguyễn Kim N, sinh ngày 28/3/2011, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét, con chung tên Nguyễn Kim N, hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu, từ khi chị và anh D sống ly thân đến nay cháu N sống với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim N cho chị Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. (Phù hợp với ước nguyện của cháu N tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 29/12/2020). Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng:* Chị T không đặc ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ:* Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử*:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thanh T về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 28/3/2011 cho chị Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Trần Thanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; Ngày 25/12/2020 chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004468 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**